TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2019/DS-ST
Ngày 17-10-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Liễng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thụy Vân Hà.

2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2019/TLST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2019/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V; địa chỉ: Tầng 2, 96 C, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Cái Phước T, sinh năm 1997; địa chỉ: Tầng 2, 96 C, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 22/7/2019). Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tuấn P, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 88/7C, khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 17/5/2019, quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/12/2014, ông Nguyễn Tuấn P có ký đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại cổ phần V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) vay số tiền 40.000.000đ, thời hạn

18 tháng, mục đích mua xe, lãi suất 30%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn, được quy định trong bộ điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ do Ngân hàng phát hành. Thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho ông P và ông P đã thanh toán cho Ngân hàng được 50.818.577đ, trong đó gốc 30.493.318đ, lãi 20.325.259đ, từ ngày 26/12/2018 đến thời điểm khởi kiện ông P không thanh toán thêm bất kỳ khoản nợ nào khác. Do ông P vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên kể từ ngày 09/9/2015 khoản nợ trên đã chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 17/10/2019, ông P còn nợ Ngân hàng 36.227.908đ, trong đó nợ gốc 9.506.682đ, nợ lãi 26.721.226đ.

Ngày 03/02/2015, ông Nguyễn Tuấn P có ký đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại cổ phần V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) vay số tiền 45.000.000đ, thời hạn 48 tháng, mục đích sửa nhà, lãi suất 27%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn, được quy định trong bộ điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ do Ngân hàng phát hành. Ngân hàng đã giải ngân cho ông P và ông P đã thanh toán được 22.827.121đ, trong đó gốc 3.394.271đ, lãi 19.432.850đ. Sau đó, ông P không thanh toán, khoản nợ đã chuyển sang quá hạn từ ngày 12/7/2015. Tính đến ngày 17/10/2019, ông P còn nợ Ngân hàng 100.161.456đ, trong đó nợ gốc 41.605.729đ, nợ lãi 58.555.727đ.

Ngày 03/7/2015, ông Nguyễn Tuấn P có ký đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại cổ phần V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) vay số tiền 30.000.000đ, thời hạn 48 tháng, mục đích mua sắm, lãi suất theo quy định trong bộ điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ do Ngân hàng phát hành. Thực hiện các hợp đồng tín dụng trên, Ngân hàng đã giải ngân cho ông P và ông P đã thanh toán cho Ngân hàng được 1.114.446đ, trong đó gốc 338.509đ, lãi 775.937đ. Từ ngày 09/9/2015, Ngân hàng đã chuyển sang khoản nợ quá hạn. Tính đến ngày 17/10/2019, ông P còn nợ Ngân hàng 81.034.241đ, trong đó nợ gốc 29.661.491đ, nợ lãi 51.372.750đ.

Do ông P vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện. Tổng khoản nợ tính đến hết ngày 17/10/2019 là 217.423.605đ, trong đó nợ gốc 80.773.902đ, nợ lãi 136.649.703đ. Đồng thời yêu cầu ông P tiếp tục trả tiền lãi từ ngày 18/10/2019 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

- Đối với bị đơn ông Nguyễn Tuấn P: Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án yêu cầu bị đơn có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, bị đơn không có ý kiến gì. Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 04/9/2019 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, do vậy vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn tham gia phiên tòa

vào các ngày 25/9/2019, 17/10/2019 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

+ Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa vào các ngày 25/9/2019, 17/10/2019 nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng.

+ Về nội dung vụ án đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 04/9/2019 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, do vậy vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 01/12/2014, 03/02/2015 và ngày 03/7/2015 được giao kết giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Tuấn P thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Tuấn P thanh toán cho Ngân hàng được tổng số tiền 74.760.144đ, trong đó nợ gốc 34.226.098đ, lãi 40.534.046đ. Sau đó, ông P không thanh toán thêm bất kỳ khoản nợ nào khác mặc dù Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở. Như vậy, ông P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận. Do đó, Ngân hàng căn cứ vào thỏa thuận giữa hai bên, quy định của bộ điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ của Ngân hàng để khởi kiện là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán khoản nợ tính đến hết ngày 17/10/2019 là 217.423.605đ, trong đó nợ gốc 80.773.902đ, nợ lãi 136.649.703đ phát sinh từ đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng các ngày 01/12/2014, 03/02/2015 và ngày 03/7/2015. Bị đơn còn

phải thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 18/10/2019 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Tuấn P phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 92, Điều 147, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V đối với bị đơn ông Nguyễn Tuấn P về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc ông Nguyễn Tuấn P có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V khoản nợ phát sinh từ đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 01/12/2014, 03/02/2015 và ngày 03/7/2015 tính đến hết ngày 17/10/2019 là 217.423.605 (hai trăm mười bảy triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm lẻ năm) đồng, trong đó:

+ Nợ gốc 80.773.902 (tám mươi triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm lẻ hai) đồng;

+ Nợ lãi 136.649.703 (một trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm lẻ ba) đồng.

Tiền lãi được tiếp tục tính từ ngày 18/10/2019 cho đến khi ông Nguyễn Tuấn P thanh toán xong các khoản nợ theo thỏa thuận trong đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 01/12/2014, 03/02/2015 và ngày 03/7/2015 và quy định của bộ điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Tuấn P phải chịu 10.871.180 (mười triệu tám trăm bảy mươi mốt nghìn một trăm tám mươi) đồng. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V 5.084.000 (năm triệu không trăm tám mươi

bốn nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0028719 ngày 12/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

4. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Dĩ An (01);
- CCTHA DS thị xã Dĩ An (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Liễng